

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp TDQN9 tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Mười Hiền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 147/GP-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Mười Hiền;*

*Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản của tỉnh ngày 17 tháng 01 năm 2025 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-STNMT ngày 11 tháng 02 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp TDQN9 tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Mười Hiền thực hiện với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng là 4,88ha, có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 529.857m<sup>3</sup> (tính đến cost +21,5m).

3. Hệ số nở ròi: 1,268.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: +21,5m; trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

5. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 509.155m<sup>3</sup> (tính đến cost +29m).

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND xã Phước Mỹ; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Mười Hiền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục KS Việt Nam;
- Chi cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4.

*(Handwritten mark)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Tọa độ khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu  
san lấp TDQN9 tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của UBND tỉnh Bình Định)*

<b>STT</b>	<b>X(m)</b>	<b>Y (m)</b>
1	1.516.255	594.300
2	1.516.141	594.458
3	1.515.994	594.564
4	1.515.887	594.511
5	1.515.963	594.401
6	1.516.035	594.394
7	1.516.178	594.217
<b>Diện tích 4,88 ha</b>		

**Thống kê trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp  
TDQN9 tại xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của UBND tỉnh Bình Định)

**Trữ lượng thăm dò toàn mỏ đến cost +21,5m  
(Trữ lượng tính đến ngày 10/12/2024)**

TT	Số hiệu khối – cấp trữ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng đo trên bình đồ (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng cấp 122 (m <sup>3</sup> )	Cost tính trữ lượng thấp nhất (m)
1	MH1-122	G1	8,2	8,9	12.939	115.157	+21,5
		LK1	9,6				
2	MH2-122	LK1	9,6	10,5	13.414	140.847	+42,4
		LK2	11,4				
3	MH3-122	LK2	11,4	12,2	22.447	273.853	+62,0
		LK3	13,0				
<b>Tổng cộng</b>						<b>529.857</b>	

**Trữ lượng huy động vào khai thác đến cost +29,0m  
(Trữ lượng tính đến ngày 10/12/2024)**

TT	Số hiệu khối – cấp trữ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng đo trên bình đồ (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng cấp 122 (m <sup>3</sup> )	Cost tính trữ lượng thấp nhất (m)
1	MH1-122	G1	5,0	7,3	12.939	94.455	+29,0
		LK1	9,6				
2	MH2-122	LK1	9,6	10,5	13.414	140.847	+42,4
		LK2	11,4				
3	MH3-122	LK2	11,4	12,2	22.447	273.853	+62,0
		LK3	13,0				
<b>Tổng cộng</b>						<b>509.155</b>	